

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị D, sinh năm 1987; nơi thường trú: Bản Ô, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Tổ A, Ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lô Văn H, sinh năm 1982; nơi thường trú: Bản Ô, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Tổ A, Ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Hà Thị D trình bày:

Bà Hà Thị D và ông Lô Văn H tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 30 tháng 3 năm 2021. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cả hai không có tiếng nói chung và không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống. Hiện nay, bà D và ông H không còn sống chung với nhau từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Hà Thị D yêu cầu ly hôn với ông Lô Văn H.

Về con chung: Bà D và ông H có hai con chung tên Lô Thị Lệ H1, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2004 và Lô Thế A, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2008. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lô Thế A. Cháu Lô Thị Lệ H1 đã thành niên nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Bà D không yêu cầu ông Lô Văn H cấp dưỡng nuôi cháu Lô Thế A.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 12 năm 2024, bị đơn ông Lô Văn H trình bày:

Ông H thống nhất như lời trình bày của bà D về hôn nhân, thời điểm, nơi đăng ký kết hôn và về con chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông H và bà D không có tiếng nói chung. Ông H gặp khó khăn cần bà D chia sẻ, quan tâm nhưng bà D bỏ mặc. Từ tháng 6 năm 2024, ông H và bà D sống ly thân cho đến nay. Mặc dù, vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm lẫn nhau. Tuy nhiên, ông H không đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Bà D và ông H có hai con chung tên Lô Thị Lệ H1, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2004 và Lô Thế A, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2008. Ông H đồng ý giao cháu Thế A cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng nếu vợ chồng ly hôn. Cháu Lô Thị Lệ H1 đã thành niên nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Ông Lô Văn H không cấp dưỡng nuôi cháu Lô Thế A.

Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 04 tháng 11 năm 2024, Công chức Tư pháp xã T cung cấp như sau: Ông Lô Văn H và bà Hà Thị D quá trình chung sống tại

địa phương có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không có thông tin do anh chị không nhờ địa phương hoặc tổ chức đoàn thể can thiệp giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Hà Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lô Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị D về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn là ông Lô Văn H có nơi cư trú tại Tổ A, Ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà D theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lô Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt

ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà D và ông H chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An nên hôn nhân của bà D và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông H, bà D không còn chăm sóc, quan tâm gia đình như lúc mới kết hôn. Ông H không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Hiện nay, bà D và ông H không còn sống chung với nhau, việc bà D và ông H là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: bà D và ông H có hai con chung tên Lô Thị Lệ H1, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2004 và Lô Thế A, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2008. Xét thấy, bà D hiện có công việc ổn định, cháu A có nguyện vọng sống với bà D nên yêu cầu về con chung của bà D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu Lô Thị Lệ H1 đã thành niên nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: nguyên đơn bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị D đối với bị đơn ông Lô Văn H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Hà Thị D được ly hôn với ông Lô Văn H.

- Về con chung: Giao con chung tên Lô Thế A, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2008 cho bà Hà Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Cháu Lô Thị Lệ H1, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2004 đã thành niên, bà Hà Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về cấp dưỡng: Bà Hà Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hà Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hà Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003765 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 30/3/2021);
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có)
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Duy

